

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 94/2024/HNGĐ-ST
Ngày 23 tháng 9 năm 2024
“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia
đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Hương;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo;

Bà Nguyễn Thị Phầm.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Bà Vũ Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2024 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Nhật L, sinh năm 1984.

Nơi ĐKKHKT: Khu Đ Đ, xã Q Y, huyện T B, tỉnh Phú Thọ.

Nơi ở hiện nay: Khu X, xã T S, huyện Đ H, tỉnh Phú Thọ.

2. Bị đơn: Anh Dương Văn S, sinh năm 1983.

Hộ khẩu thường trú: Khu Đ Đ, xã Q Y, huyện T B, tỉnh Phú Thọ.

Hiện đang ở Đài Loan.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Dương Thị X, sinh năm 1956;

Địa chỉ: Khu Đ Đ, xã Q Y, huyện T B, tỉnh Phú Thọ.

(Chị Lê Thị Nhật L, Bà Dương Thị X có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Dương Văn S vắng mặt lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 12/6/2024, bản tự khai và quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn Chị Lê Thị Nhật L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và Anh Dương Văn S kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ T, thành phố H B, tỉnh Hòa Bình ngày 05/02/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chị về sống tại Khu Đ Đ, huyện T B, tỉnh Phú Thọ. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau cuộc sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và cách xây dựng làm ăn kinh tế. Chị cố gắng khắc phục nhưng hai vợ chồng không thể hàn gắn được, đến tháng 4 năm 2021 Anh S đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị được ly hôn Anh S để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là cháu Dương Lê Đức T, sinh ngày 23/12/2007 và cháu Dương Anh T, sinh ngày 15/4/2015. Khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, Anh S trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Trong thời gian Anh S ở nước ngoài, chị đồng ý tạm giao cháu T cho Bà Dương Thị X là mẹ của Anh S thay mặt nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi cháu T cùng Bà X trong thời gian Bà X thay mặt Anh S chăm sóc nuôi dưỡng cháu T.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị L xác định vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn: Anh Dương Văn S hiện đang ở nước ngoài thể hiện tại công văn số: 13346/QLXNC-P3 ngày 25/6/2024 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an xác định Anh S xuất cảnh ngày 12/4/2021 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Do chị L không biết địa chỉ của Anh S ở đâu tại nước ngoài nên Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của Bà Dương Thị X (Là mẹ đẻ Anh S) và được Bà X cung cấp: Hiện tại Anh S đang ở Đài Loan nhưng địa chỉ cụ thể bà không biết. Gia đình và Anh S vẫn thường xuyên liên lạc qua điện thoại Zalo, Facebook, Bà X đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho Anh S và yêu cầu bà cung cấp địa chỉ của Anh S ở nước ngoài, bà đã thông báo cho Anh S biết xong Anh S không cung cấp địa chỉ cho bà để cung cấp cho Tòa án. Thông qua điện thoại bà đã trao đổi nội dung chị L xin ly hôn Anh S và Anh S nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị L.

Về con chung: Bà X xác định chị L và Anh S có hai con chung là cháu Dương Lê Đức T, sinh ngày 23/12/2007 và cháu Dương Anh T, sinh ngày 15/4/2015. Anh S có quan điểm đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Dương Lê Đức T. Trong thời gian Anh S ở nước ngoài thì tạm giao cho Bà X thay mặt Anh S trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Bà X nhất trí là người trực tiếp nuôi dưỡng,

chăm sóc cháu T sau khi chị L và Anh S ly hôn. Sau khi Anh S về nước thì bà có trách nhiệm giao cháu T cho Anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà không đề nghị chị L, Anh S phải cấp dưỡng nuôi cháu T cùng bà trong thời gian Anh S ở nước ngoài.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của chị L và Anh S Bà X không có ý kiến và không có đề nghị gì liên quan đến quyền lợi của mình.

* Cháu Dương Lê Đức T trình bày: Cháu có nguyện vọng được ở với bố khi bố mẹ ly hôn.

Cháu Dương Anh T trình bày: Cháu có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến về những nội dung sau:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định trình tự của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, Điều 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Tòa án xét xử:

- Cho Chị Lê Thị Nhật L được ly hôn Anh Dương Văn S.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Dương Anh T, sinh ngày 15/4/2015 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Giao cháu Dương Lê Đức T, sinh ngày 23/12/2007 cho Anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Tạm giao cháu T cho Bà Dương Thị X là mẹ đẻ Anh S nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T cho đến khi Anh S trở về Việt Nam. Anh S, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh S, chị L được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không yêu cầu nên không giải quyết.

- Về án phí: Chị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn (xác nhận đã nộp).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ công văn số: 13346/QLXNC-P3 ngày 25/6/2024 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an cung cấp Bị đơn Anh Dương Văn S đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Q Y, huyện T B, tỉnh Phú Thọ đã xuất cảnh ngày 12/4/2021 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Theo đó xác định Anh Dương Văn S hiện đang ở nước ngoài.. Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Trong vụ án này Anh S không có mặt ở Việt Nam nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị L khởi kiện xin ly hôn với Anh S nhưng chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của Anh S mà không cung cấp được địa chỉ cụ thể của Anh S ở nước ngoài. Tòa án đã thông qua thân nhân của Anh S là Bà Dương Thị X (Mẹ đẻ Anh S) thì thấy gia đình đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không biết địa chỉ cụ thể của Anh S tại nước ngoài, bản thân Anh S không cung cấp địa chỉ mặc dù đã được Bà X thông báo. Căn cứ công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao cần xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Tại phiên tòa chị L, Bà X có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị L và Anh S đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân phường Đ T, thành phố H B, tỉnh Hòa Bình ngày 05/02/2007. Vì vậy, đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau một thời gian chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh S. Mặc dù Anh S không có lời khai xong thông qua Bà X là mẹ đẻ Anh S cung cấp quan điểm của Anh S cũng nhất trí ly hôn với chị L. Bên cạnh đó, thấy rằng Anh S và chị L là vợ chồng nhưng đến nay đã không còn có trách nhiệm, quan tâm nhau. Do vậy, có căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và Anh S đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xử cho chị L được ly hôn Anh S là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Chị L và Anh S có hai con chung là cháu Dương Lê Đức T, sinh ngày 23/12/2007 và cháu Dương Anh T, sinh ngày 15/4/2015. Chị L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Dương Anh T, Anh S được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Dương Lê Đức T. Trong thời gian Anh S ở nước ngoài, tạm giao cháu T cho Bà X thay mặt Anh S nuôi dưỡng cháu T cho đến khi Anh S về nước đón cháu. Theo mẹ đẻ Anh S là Bà X trình bày Anh S cũng đồng ý quan điểm về việc nuôi con chung như trên. Bà X đồng ý sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T trong thời gian Anh S ở nước ngoài và tự nguyện không yêu cầu chị L, Anh S phải cấp dưỡng nuôi dưỡng cháu cùng bà.

Xét thấy: Nguyên vọng của chị L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Dương Anh T, Anh S được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Dương Lê Đức T là nguyên vọng chính đáng của người làm cha mẹ. Bà X đủ điều kiện để thay mặt Anh S chăm sóc nuôi dưỡng cháu T trong thời gian Anh S vắng mặt. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các cháu và đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho các cháu cả về thể chất và tinh thần, cũng như ổn định cuộc sống của các cháu cần giao cháu Dương Anh T cho chị L, cháu Dương Lê Đức T cho Anh S được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên. Trong thời gian Anh S ở nước ngoài tạm giao cháu T cho Bà X nuôi dưỡng là phù hợp với nguyên vọng của các bên đương sự và quy định của pháp luật. Khi nào Anh S về nước Bà X có trách nhiệm giao lại cháu T cho Anh S trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung. Do Anh S hiện đang ở nước ngoài, không có quan điểm nên Tòa án không xem xét giải quyết. Các đương sự có quyền yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con bằng một vụ án khác nếu có tranh chấp. Tại Tòa, Bà X không yêu cầu chị L, Anh S phải cấp dưỡng nuôi cháu T trong thời gian bà được tạm giao nuôi dưỡng, đây là sự tự nguyện, cần được xác nhận.

[3] Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do Anh S đang ở nước ngoài không có quan điểm, nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết là phù hợp.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 123 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1

Điều 39, khoản 2 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Nhật L được ly hôn Anh Dương Văn S.

[2] Về con chung: Giao cho Chị Lê Thị Nhật L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Dương Anh T, sinh ngày 15/4/2015 kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu thành niên.

Giao cho Anh Dương Văn S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Dương Lê Đức T, sinh ngày 23/12/2007 kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu thành niên.

Trong thời gian Anh S ở nước ngoài, tạm giao cháu Dương Lê Đức T cho Bà Dương Thị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi Anh S về nước đón cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chưa đặt ra giải quyết vì Anh S không có mặt tại tòa.

Xác nhận Bà Dương Thị X không yêu cầu chị L, Anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Dương Lê Đức T trong thời gian bà được tạm giao nuôi dưỡng cháu.

Chị L và Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Lê Thị Nhật L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị L đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0000226 ngày 16/7/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

[5] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Đương sự ở Việt Nam có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Đương sự cư trú ở nước ngoài có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (Một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- UBND phường Đ T, T.P H B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Hương